TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNST
Ngày: 01/03/2022
Vv: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu
Các Hội thẩm nhân dân:
1/Ông Lê Minh Thư
2/ Ông Nguyễn Huy Hoà
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa

Ngày 01 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2021/TLST-HN ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Thiều Thị N, sinh năm 1977 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 14, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.
* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T sinh năm 1973 (có mặt)
Nơi cư trú: Tổ 14, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 10/6/2021 của chị Thiều Thị N trình bày: Vào năm 2012, chị Thiều Thị N và anh Nguyễn Thành T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị có tổ chức lễ cưới, nữ trang cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 18K, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 18K, 01 tắm lắc 02 chỉ vàng 24K, số vàng cưới hiện chị N và anh T thỏa thuận bán chi tiêu trong gia đình hết nay không còn. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2012.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình chồng được một thời gian, sau đó thì vợ chồng về sống chung với cha mẹ ruột chị N đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm nhưng không có con chung.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tạo ra tài sản chung nào hết.

Về mâu thuẫn gia đình: phát sinh là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên đi sớm về khuya và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài và anh T có thừa nhận với chị N. Sự việc đó chị N đã bỏ qua cho anh T và khuyên anh thay đổi để hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng anh T không thay đổi, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc cho nên chị N và anh T đã ly thân từ ngày 25/8/2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị N xin được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Về con chung: không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

* Tại phiên toà hôm nay:

*Nguyên đơn chị Thiều Thị N trình bày mâu thuẫn gia đình phát sinh là do anh chị bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên đi sớm về khuya và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài và anh T có thừa nhận với chị N. Sự việc đó chị N đã bỏ qua cho anh T và khuyên anh thay đổi để hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng anh T không thay đổi, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc cho nên chị N và anh T đã ly thân từ ngày 25/8/2021 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: chị Thiều Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thành T

Về con chung: không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Chị N trình bày về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung là đúng. Về mâu thuẫn gia đình là không đúng. Chị N cho rằng anh T có vợ bé bên ngoài thì Anh T không thừa nhận có vợ bé bên ngoài mà chỉ là bạn thôi. Nay chị Nga xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Xin ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2]Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Bình Tân tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012, chị Thiều Thị N và anh Nguyễn Thành T cưới nhau, hôn nhân do quen biết, cha mẹ hai bên đồng ý, anh chị có tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2012 đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị Thiều Thị N và anh Nguyễn Thành T phát sinh mâu thuẩn và bất đồng về quan điểm sống, anh T thường xuyên đi sớm về khuya và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc cho nên chị N và anh T đã ly thân từ ngày 25/8/2021 cho đến nay. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị N không còn mong muốn cùng anh T xây dựng một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững. Nên chị N cương quyết xin ly hôn. Xét yêu cầu của chị N là có cơ sở. Áp dụng vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Thiều Thị N. Chị Thiều Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

[4]Xét về con chung: Chị Thiều Thị N và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau không có con chung, nên không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]Về quan hệ tài sản: Chị Thiều Thị N và anh Nguyễn Thành T không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Thiều Thị N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013269 ngày 22/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, 53, 56 Luật hôn

nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quãn lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Thiều Thị Nga.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Thiều Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

2/Về con chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Thiều Thị N nộp 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biện lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013269 ngày 22/10/2022 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Thiều Thị N, bị đơn anh Nguyễn Thành T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thành Tựu

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Huyện;
- THA huyện;
- UBND xã Tân An Thạnh, Huyên Bình Tân, Vĩnh Long
- các đương sự;
- Lưu.